



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số 0203000279

ngày 17 tháng 9 năm 2002

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0203000279 ngày 20 tháng 6 năm 2013. Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Hữu Nam
Ông Nguyễn Trâm

Chủ tịch
Thành viên
(từ ngày 9 tháng 8 năm 2017)
Thành viên
(đến ngày 8 tháng 8 năm 2017)

Ông Ngô Minh Quân

Ông Nguyễn Thường Quang

Thành viên

Ông Nguyễn Văn Quyền

Thành viên

Ông Nguyễn Văn Thanh

Thành viên

Ông Lê Ngọc Nam

Thành viên

Ông Nguyễn Đức Luyện

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thường Quang

Tổng Giám đốc

Ông Dương Sơn Bá

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thanh

Phó Tổng Giám đốc

Ông Tạ Công Hoan

Phó Tổng Giám đốc

(từ ngày 1 tháng 6 năm 2017)

Trụ sở đăng ký

Thôn Đoan, Xã Tam Hưng, Huyện Thủy Nguyên
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Nguyễn Thương Quang
Tổng Giám đốc

CHỨNG THỰC
SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Thành phố Hải Phòng, ngày 27-11-2018 14 tháng 3 năm 2018

Số: 2093...../CT-UBND Q.số:.....
UBND XÃ TAM HƯNG H. THỦY NGUYÊN T.P HẢI PHÒNG



CHỦ TỊCH
Lại Văn Thịnh



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý tới:

- (i) Thuyết minh 3(a)(ii) và 3(a)(iii) trong báo cáo tài chính, trong đó đề cập việc Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 8 năm 2014 ("Nghị định 82") và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 3003/BTC/TCDN của Bộ Tài chính ngày 8 tháng 3 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ ("Công văn 3003"), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 2239/VPCP-KTTH ngày 4 tháng 4 năm 2016 ("Công văn 2239"). Theo hướng dẫn của Nghị định 82, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong phần "Vốn chủ sở hữu" và được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Theo hướng dẫn của Công văn 3003, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc "Vốn chủ sở hữu", thay vì vào "Chi phí tài chính", và được phân bổ vào chi phí năm 2015 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2016 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ từ năm 2016 trở đi áp dụng theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Hướng dẫn của các công văn này có sự khác biệt so với Thông tư 200 hiện hành. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày tại Thuyết minh 3(a)(ii) và 3(a)(iii) của báo cáo tài chính. Như được trình bày tại Thuyết minh 22, Công ty đang phân bổ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào chi phí tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo nguyên tắc cân đối chi phí với kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận của Công ty. Do vậy giá trị khoản phân bổ vào chi phí phụ thuộc vào đánh giá chủ quan của Ban Giám đốc Công ty.

- (ii) Thuyết minh 3(h) trong báo cáo tài chính, trong đó đề cập việc Công ty ghi nhận chi phí phát sinh và số dư của các công trình sửa chữa lớn theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và hướng dẫn kế toán cho Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Hải Phòng do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 (gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”). Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN, chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” đối ứng với tài khoản “Chi phí phải trả” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên. Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, có sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ, và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày tại Thuyết minh 3(h) của báo cáo tài chính.

Ý kiến của chúng tôi không bị ngoại trừ về các vấn đề cần nhấn mạnh trên.



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo Kiểm toán số: 17-01-320-1

CHI NHÁNH

CÔNG TY TNHH

KPMG

Đã Vũ Định

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0414-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		2.557.169.305.780	2.425.572.046.847
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	23.440.585.724	623.691.389.054
Tiền	111		23.440.585.724	13.691.389.054
Các khoản tương đương tiền	112		-	610.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.818.210.212.325	1.187.494.384.518
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.770.690.411.699	1.124.273.457.839
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.128.868.586	2.673.579.201
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	46.248.472.822	60.547.347.478
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(857.540.782)	-
Hàng tồn kho	140	8	715.518.507.731	601.420.044.397
Hàng tồn kho	141		715.518.507.731	601.420.044.397
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	12.966.228.878
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	12.966.228.878
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		12.597.375.622.298	14.677.436.083.440
Tài sản cố định	220		12.185.910.417.104	14.140.437.276.360
Tài sản cố định hữu hình	221	9	12.184.423.493.601	14.139.858.697.992
Nguyên giá	222		22.057.566.360.355	22.141.526.552.885
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.873.142.866.754)	(8.001.667.854.893)
Tài sản cố định vô hình	227	10	1.486.923.503	578.578.368
Nguyên giá	228		2.667.783.724	1.506.226.447
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.180.860.221)	(927.648.079)
Tài sản dở dang dài hạn	240		143.316.896.557	200.170.501.797
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	143.316.896.557	200.170.501.797
Đầu tư tài chính dài hạn	250		500.000.000	5.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	12	500.000.000	5.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		267.648.308.637	331.828.305.283
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	261.825.906.223	331.828.305.283
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		5.822.402.414	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		15.154.544.928.078	17.103.008.130.287

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

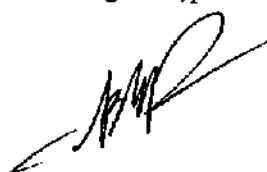
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		9.968.932.894.559	12.393.987.700.725
Nợ ngắn hạn	310		2.768.623.031.854	3.369.816.456.130
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	452.670.189.936	614.569.226.678
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		138.195.261	-
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	28.263.211.104	4.701.599.983
Phải trả người lao động	314		37.447.309.037	55.959.086.004
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	287.346.563.279	392.513.475.034
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	13.238.250.478	117.898.416.171
Vay ngắn hạn	320	18(a)	1.902.997.576.778	2.147.533.010.869
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	46.521.735.981	36.641.641.391
Nợ dài hạn	330		7.200.309.862.705	9.024.171.244.595
Vay dài hạn	338	18(b)	7.200.309.862.705	9.024.171.244.595
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.185.612.033.519	4.709.020.429.562
Vốn chủ sở hữu	410	20	5.185.612.033.519	4.709.020.429.562
Vốn cổ phần	411	21	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>5.000.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000.000</i>
Thặng dư vốn cổ phần	412		196.652.770.150	196.652.770.150
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	23	(299.059.868.312)	(714.262.488.340)
Quỹ đầu tư phát triển	418		42.411.476.002	39.316.296.173
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		245.607.655.679	187.313.851.579
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		-	-
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	<i>421b</i>		245.607.655.679	187.313.851.579
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		15.154.544.928.078	17.103.008.130.287

Ngày 14 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Bùi Thu Trang
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Minh Thành
Kế toán trưởng



Nguyễn Thường Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	9.094.894.546.949	9.157.246.107.882
Giá vốn hàng bán	11	26	7.389.365.763.622	7.799.077.860.570
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		1.705.528.783.327	1.358.168.247.312
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	23.635.288.585	33.763.270.045
Chi phí tài chính	22	28	1.157.521.776.819	981.023.744.401
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		610.735.802.169	735.848.613.307
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	157.990.969.236	107.392.229.866
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		413.651.325.857	303.515.543.090
Thu nhập khác	31	30	9.507.318.812	5.508.879.368
Chi phí khác	32		3.488.531.423	6.160.283.730
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		6.018.787.389	(651.404.362)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		419.670.113.246	302.864.138.728
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	24.062.457.567	15.550.287.149
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		395.607.655.679	287.313.851.579
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	791	575

Ngày 14 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Bùi Thu Trang
Kế toán tổng hợp



Nguyễn Minh Thành
Kế toán trưởng




Nguyễn Thường Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	419.670.113.246	302.864.138.728
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	1.872.242.704.647	1.897.741.567.400
Các khoản dự phòng	03	857.540.782	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	429.170.462.657	240.364.443.711
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(16.915.915.199)	(23.790.041.723)
Chi phí lãi vay	06	610.735.802.169	735.848.613.307
Các khoản điều chỉnh khác	07	(6.387.537.678)	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	3.309.373.170.624	3.153.028.721.423
Biến động các khoản phải thu	09	(2.901.427.852.913)	(1.197.619.310.865)
Biến động hàng tồn kho	10	(119.920.865.748)	(86.758.812.365)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(47.403.782.792)	(384.536.504.472)
Biến động chi phí trả trước	12	70.002.399.060	20.359.713.195
		310.623.068.231	1.504.473.806.916
Tiền lãi vay đã trả	14	(85.422.392.012)	(106.252.025.475)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(22.200.000.000)	(10.819.100.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(24.338.577.160)	(33.779.277.426)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	178.662.099.059	1.353.623.404.015
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(43.922.422.415)	(360.859.562.803)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	350.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	6.885.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	21.293.470.754	16.677.486.168
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.743.951.661)	(343.832.076.635)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

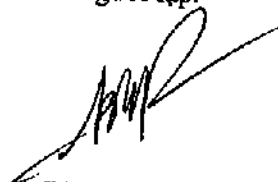
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

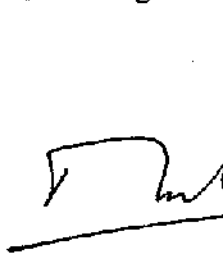
	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	2.047.089.231.898	2.871.161.608.083
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.415.851.662.652)	(2.943.208.636.534)
Tiền trả cổ tức	36	(394.406.519.974)	(347.191.117.129)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(763.168.950.728)	(419.238.145.580)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(600.250.803.330)	590.553.181.800
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	623.691.389.054	33.138.207.254
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)	70	23.440.585.724	623.691.389.054

Ngày 14 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Bùi Thu Trang
Kế toán tổng hợp




Nguyễn Minh Thành
Kế toán trưởng

Nguyễn Thường Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 885 nhân viên (1/1/2017: 886 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Hải Phòng do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 (“Chế độ Kế toán EVN”). Những khác biệt giữa Chế độ kế toán EVN so với hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được trình bày trong các thuyết minh 3(a) và 3(h).

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 199 tỷ VND (1/1/2017: 944 tỷ VND). Vấn đề này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ban Giám đốc đã đưa ra các giải pháp bao gồm: tăng thêm các khoản vay phục vụ đầu tư theo kế hoạch nhằm cân đối khả năng thanh toán, sử dụng dòng tiền thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban Giám đốc cho rằng với các kế hoạch nêu trên, Công ty sẽ đảm bảo đủ vốn phục vụ cho hoạt động đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng Công ty không đảm bảo được đủ vốn phục vụ cho hoạt động đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới. Vì vậy, báo cáo tài chính được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục là phù hợp.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá mua bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng riêng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(ii) *Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia*

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 8 năm 2014 (“Nghị định 82”), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định 82 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các năm thì chi phí tài chính sẽ giảm 310.667.051.198 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế sẽ tăng lần lượt là 15.533.352.560 VND và 295.133.698.638 VND cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: chi phí tài chính sẽ giảm 37.028.920.807 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế sẽ tăng lần lượt là 1.851.446.040 VND và 35.177.474.767 VND), số lỗ chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”, “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” và “Thuế phải nộp Nhà nước” trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm lần lượt là 44.423.062.531 VND, 42.201.909.404 VND và 2.221.153.127 VND (1/1/2017: số lỗ chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”, “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” và “Thuế phải nộp Nhà nước” sẽ giảm lần lượt là 355.090.113.729 VND, 337.335.608.043 VND và 17.754.505.686 VND).

(iii) *Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ*

Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Công văn số 3003/BTC/TCĐN của Bộ Tài chính ngày 8 tháng 3 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (“Công văn 3003”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 2239/VPCP-KTTH ngày 4 tháng 4 năm 2016 (“Công văn 2239”). Theo hướng dẫn của Công văn 3003, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và sẽ được phân bổ vào chi phí năm 2015 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2016 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ từ năm 2016 trở đi sẽ áp dụng theo Thông tư 200.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 200 qua các năm thì chi phí tài chính sẽ giảm 104.535.568.830 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế sẽ tăng lần lượt là 5.226.778.442 VND và 99.308.790.388 VND cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: chi phí tài chính sẽ giảm 38.242.565.932 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế sẽ tăng lần lượt là 1.912.128.297 VND và 36.330.437.635 VND), số lỗ chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”, “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” và “Thuế phải nộp Nhà nước” trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm lần lượt là 254.636.805.781 VND, 241.904.965.492 VND và 12.731.840.289 VND (1/1/2017: số lỗ chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”, “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” và “Thuế phải nộp Nhà nước” sẽ giảm lần lượt là 359.172.374.611 VND, 341.213.755.880 VND và 17.958.618.731 VND).

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với dịch vụ dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, riêng nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình hoặc giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định có thể được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo quy định tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, nguyên giá tài sản cố định thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 – 20 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 15 năm
▪ tài sản khác	10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ kế toán năm đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CKTKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và hướng dẫn kế toán cho Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Hải Phòng do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 (gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”), chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên sổ dư tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” đồng thời với tài khoản “Chi phí phải trả” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên. Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi một số điều kiện được thỏa mãn trong đó gồm điều kiện doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Đối với trường hợp sửa chữa lớn tài sản cố định, điều kiện này không được thỏa mãn.

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chi phí phát sinh và số dư của các công trình sửa chữa lớn theo VAS 18 thì các tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang”, và “Chi phí phải trả” trên Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ cùng giảm một khoản là 138.983.045.211 VND (1/1/2017: các tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Chi phí phải trả” giảm cùng một khoản là 197.738.285.889 VND) (Thuyết minh 11 và Thuyết minh 16).

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí chuẩn bị sản xuất

Chi phí chuẩn bị sản xuất là những chi phí lương và chi phí liên quan đến hoạt động đào tạo các công nhân và các kỹ sư trước thời điểm nhà máy Hải Phòng 1 và nhà máy Hải Phòng 2 đi vào hoạt động chính thức, lần lượt là ngày 15 tháng 11 năm 2011 và ngày 1 tháng 5 năm 2014. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ năm 2016.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng phản ánh số tiền chi đền bù giải phóng mặt bằng để xây dựng nhà máy. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 25 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập và sử dụng theo Nghị định số 82/2014/NĐ-CP (“Nghị định số 82”) ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ ban hành về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	131.071.654	21.367.489
Tiền gửi ngân hàng	23.309.514.070	13.670.021.565
Các khoản tương đương tiền	-	610.000.000.000
	<hr/> 23.440.585.724	<hr/> 623.691.389.054

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Bên liên quan		
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.768.719.327.340	1.121.383.786.741
Các bên thứ ba		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hưng Ngọc	591.124.000	1.270.959.000
Công ty TNHH Chí Linh	507.002.000	607.002.000
Công ty TNHH My Sơn	464.890.000	-
Công ty TNHH Global Link Thăng Long	248.446.000	681.676.000
Các khách hàng khác	159.622.359	330.034.098
	1.770.690.411.699	1.124.273.457.839

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (*)	35.391.475.596	44.055.639.596
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	8.277.201.587	8.467.794.412
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn phải thu	-	6.762.555.555
Các khoản phải thu khác	2.579.795.639	1.261.357.915
	46.248.472.822	60.547.347.478

(*) Đây là khoản chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng trong giai đoạn đầu tư được phép bù trừ với tiền thuê đất hàng năm theo hướng dẫn tại văn bản số 104/CT-QLTTĐ ngày 20/1/2014 của Cục thuế Thành phố Hải Phòng.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Hàng tồn kho**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Nguyên vật liệu	689.856.000.501	581.930.436.410
Công cụ và dụng cụ	25.662.507.230	19.489.607.987
	<hr/>	<hr/>
	715.518.507.731	601.420.044.397
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	10.386.873.743.866	10.983.464.851.528	218.222.665.039	551.907.542.204	1.057.750.248	22.141.526.552.885
Tăng trong năm	12.768.964.819	1.401.960.798	906.617.030	3.415.315.555	-	18.492.858.202
Tiếp nhận nhà cửa bàn giao từ nhà thầu xây dựng (Thuyết minh 30)	6.387.537.678	-	-	-	-	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.750.291.672	-	-	6.387.537.678
Điều chỉnh giảm theo giá trị quyết toán	(63.797.705.793)	(44.814.879.580)	(1.463.814.065)	-	-	1.750.291.672
Xóa sổ	-	-	-	(514.480.644)	-	(110.076.399.438) (514.480.644)
Số dư cuối năm	10.342.232.540.570	10.940.051.932.746	219.415.759.676	554.808.377.115	1.057.750.248	22.057.566.360.355
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	3.397.736.734.870	4.239.712.085.219	128.654.429.469	235.233.764.578	330.840.757	8.001.667.854.893
Khấu hao trong năm	735.950.216.930	1.069.496.268.134	23.040.853.467	43.360.089.664	142.064.310	1.871.989.492.505
Xóa sổ	-	-	-	(514.480.644)	-	(514.480.644)
Số dư cuối năm	4.133.686.951.800	5.309.208.353.353	151.695.282.936	278.079.373.598	472.905.067	9.873.142.866.754
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	6.989.137.008.996	6.743.752.766.309	89.568.235.570	316.673.777.626	726.909.491	14.139.858.697.992
Số dư cuối năm	6.208.545.588.770	5.630.843.579.393	67.720.476.740	276.729.003.517	584.845.181	12.184.423.493.601

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 9.862 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 7.856 triệu VND).

Như trình bày tại Thuyết minh 18(b), các tài sản hình thành từ vốn vay của các khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm, được sử dụng để thế chấp cho chính các khoản vay này của Công ty.

10. Tài sản cố định vô hình

	Phản mềm máy vi tính VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.129.676.847	376.549.600	1.506.226.447
Tăng trong năm	-	1.161.557.277	1.161.557.277
Số dư cuối năm	1.129.676.847	1.538.106.877	2.667.783.724
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	844.807.163	82.840.916	927.648.079
Khấu hao trong năm	83.376.492	169.835.650	253.212.142
Số dư cuối năm	928.183.655	252.676.566	1.180.860.221
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	284.869.684	293.708.684	578.578.368
Số dư cuối năm	201.493.192	1.285.430.311	1.486.923.503

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản cố nguyên giá 632 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: Không).

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	200.170.501.797	200.790.529.005
Tăng trong năm	148.748.579.234	198.428.668.995
Xây dựng cơ bản dở dang	3.651.927.110	-
Công trình sửa chữa lớn	145.096.652.124	198.428.668.995
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.750.291.672)	(3.380.159.876)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(44.426.551.369)
Giá trị các công trình sửa chữa lớn được quyết toán (Thuyết minh 3(h))	(203.851.892.802)	(151.241.984.958)
Số dư cuối năm	143.316.896.557	200.170.501.797

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Các công trình trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản	4.333.851.346	2.432.215.908
<i>Nâng cấp hệ thống xử lý khí thải</i>	3.557.662.387	2.432.215.908
<i>Khác</i>	776.188.959	-
Các công trình sửa chữa lớn dở dang (Thuyết minh 3(h))	138.983.045.211	197.738.285.889
<i>Đại tu hệ thống lò hơi số 3</i>	25.903.455.399	-
<i>Đại tu tuabin, máy phát tổ máy số 3</i>	23.408.543.328	-
<i>Đại tu hệ thống thải xỉ chung Hải Phòng 2 năm 2017</i>	19.130.114.184	-
<i>Thuê nhà chế tạo Fuji/Marubeni đại tu tuabin, máy phát tổ máy số 3</i>	15.040.375.155	-
<i>Đại tu hệ thống xử lý nước Hải Phòng 2 năm 2017</i>	7.078.818.606	-
<i>Đại tu hệ thống nghiền than tổ máy số 3</i>	6.865.407.256	-
<i>Đại tu máy đánh phá đồng A, hệ thống bốc dỡ than</i>	6.674.240.163	-
<i>Đại tu tuabin, máy phát tổ máy số 2</i>	-	43.211.117.013
<i>Đại tu hệ thống lò hơi số 2</i>	-	43.769.556.075
<i>Đại tu tuabin, máy phát tổ máy số 2 – thuê nhân công nước ngoài</i>	-	15.373.854.902
<i>Đại tu hệ thống thải xỉ chung Hải Phòng 1 năm 2016</i>	-	12.005.426.172
<i>Đại tu hệ thống nghiền than tổ máy số 2</i>	-	15.830.618.268
<i>Khác</i>	34.882.091.120	67.547.713.459
	143.316.896.557	200.170.501.797

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017				1/1/2017			
	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	Hải Dương	50.000	1%	500.000.000	-	(*)	500.000	10%
								Giá gốc VND
								Dự phòng VND
								Giá trị hợp lý VND
								Giá trị hợp lý VND
								(*)

(*)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá gốc.

Trong năm, Công ty đã thanh lý 450.000 cổ phiếu đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Miền Bắc tương ứng 4.500 triệu VND.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí chuẩn bị sản xuất VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	160.685.179.555	5.381.032.021	165.762.093.707	331.828.305.283
Tăng trong năm	-	7.575.053.465	-	7.575.053.465
Phân bổ trong năm	(58.430.974.380)	(11.021.050.961)	(8.125.427.184)	(77.577.452.525)
Số dư cuối năm	102.254.205.175	1.935.034.525	157.636.666.523	261.825.906.223

14. Phải trả người bán ngắn hạn**Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Bên liên quan – thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 1	1.036.005.954	1.038.733.359
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc	691.840.611	1.211.719.300
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	470.614.975	460.710.930
Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất	-	1.905.615.175
Các bên khác		
Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam	212.094.420.651	314.030.413.181
Tổng Công ty Đông Bắc	116.562.754.672	121.274.253.628
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	36.511.438.406	45.484.355.346
Nhà thầu Marubeni	15.040.375.155	15.451.814.828
Công ty CP Vật tư & Thiết bị Công nghiệp	8.345.172.338	11.413.464.171
Viện nghiên cứu Cơ khí	9.756.175.420	11.834.393.382
Công ty Cổ phần Việt Long	3.833.712.242	10.850.238.503
Nhà thầu Dongfang	-	5.226.339.540
Các nhà thầu khác	-	5.486.102.707
Các nhà cung cấp khác	48.327.679.512	68.901.072.628
	452.670.189.936	614.569.226.678

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	910.303.950.510	(892.062.318.015)	18.241.632.495
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.700.000.000	24.062.457.567	(22.200.000.000)	6.562.457.567
Thuế thu nhập cá nhân	1.599.983	2.486.854.862	(2.118.003.215)	370.451.630
Thuế tài nguyên	-	28.331.023.968	(25.919.228.556)	2.411.795.412
Các loại thuế khác	-	809.837.000	(132.963.000)	676.874.000
	4.701.599.983	965.994.123.907	(942.432.512.786)	28.263.211.104

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí lãi vay	140.703.282.707	177.845.802.340
Chi phí sửa chữa lớn (*)	138.983.045.211	197.738.285.889
Chi phí phải trả khác	7.660.235.361	16.929.386.805
	287.346.563.279	392.513.475.034

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, chi phí sửa chữa lớn phải trả phản ánh giá trị các công trình sửa chữa lớn đã thực hiện trong năm, đã ghi nhận vào chi phí nhưng vẫn còn dở dang do chưa thực hiện quyết toán (Thuyết minh 3(h)).

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải trả Tập đoàn điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất (*)	642.464.513	1.362.922.852
Phải trả cổ tức cho cổ đông	8.670.819.877	103.077.339.851
Bảo hiểm xã hội	337.926.521	5.222.343.492
Kinh phí công đoàn	335.591.350	71.204.784
Các khoản phải trả khác	3.251.448.217	8.164.605.192
	13.238.250.478	117.898.416.171

(*) Khoản phải trả phi thương mại cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất, là khoản phải trả về gốc vay, lãi vay, thuế nhà thầu các khoản vay nước ngoài. Khoản phải trả phi thương mại này không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ 1/1/2017 VND	Biến động trong năm		Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ 31/12/2017 VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	313.810.676.084	2.047.089.231.898	(2.295.899.907.982)	65.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.833.722.334.785	1.837.829.224.520	(1.833.553.982.527)	1.837.997.576.778
	2.147.533.010.869	3.884.918.456.418	(4.129.453.890.509)	1.902.997.576.778

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Khoản vay không có đảm bảo				
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (i)	VND	5,2%	65.000.000.000	155.349.816.455
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồng Bàng (ii)	VND		-	158.460.859.629
			65.000.000.000	313.810.676.084

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng tín dụng số 24HDTD/2017-HĐTDHM/NHCT122-NĐHP ngày 14 tháng 3 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 300 tỷ VND, thời gian duy trì hạn mức tín dụng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 29/6/2017 và tự động gia hạn trên cơ sở có văn bản phê duyệt của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và có thông báo gửi đến bên vay nhưng không vượt quá 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng và khoản vay được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy nhiệt điện Hải Phòng 1 và 2. Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau của đồng tiền nhận nợ và kỳ hạn huy động tương ứng với thời hạn cho vay cộng (+) biên độ tối đa 1%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồng Bàng theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTDHM/NHCT-166-NDHP ngày 21 tháng 12 năm 2015 (được thay bởi Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HĐTDHM/NHCT-166-NDHP ngày 3 tháng 1 năm 2017) với hạn mức tín dụng là 400 tỷ VND, thời gian duy trì hạn mức tín dụng đến ngày 27 tháng 7 năm 2017 và khoản vay được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh điện. Thời gian cho vay được xác định cụ thể cho từng lần giải ngân nhưng tối đa không quá 4 tháng. Lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau kỳ hạn 1 tháng, 3 tháng được niêm yết tại bên cho vay cộng (+) biên độ tối đa 1%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Hợp đồng vay này được thanh lý vào ngày 27 tháng 7 năm 2017.

(b) Vay dài hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay dài hạn	9.038.307.439.483	10.857.893.579.380
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.837.997.576.778)	(1.833.722.334.785)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	7.200.309.862.705	9.024.171.244.595

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Khoản vay có đảm bảo					
Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (hệ liên quan)					
▪ Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc (i)	USD	2021	5,78%	2.468.726.011.329	3.181.754.953.729
▪ Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc (ii)	USD	2024	6,07%	4.888.145.232.684	5.653.812.142.485
▪ Ngân hàng hợp tác Quốc tế Nhật Bản (iii)	JPY	2021	3,91%	457.327.971.556	569.561.774.167
▪ Ngân hàng hợp tác Quốc tế Nhật Bản (iv)	JPY	2022	4,41%	556.013.934.239	658.270.419.324
Vay từ các tổ chức tín dụng khác					
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (v)	VND	2022	Lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau + 2,8%	535.000.000.000	667.925.937.417
- Khoản vay 1	VND	2022		133.094.289.675	126.568.352.258
- Khoản vay 2					
				9.038.307.439.483	10.857.893.579.380

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Khoản vay 1 – Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Khoản vay ngoại tệ (USD), nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc theo Hợp đồng tín dụng tài trợ số BLA 05135 với tổng giá trị khoản vay 278.034.200 USD cộng 85% giá trị phí bảo hiểm tín dụng xuất khẩu của Công ty Bảo hiểm Tín dụng Xuất khẩu Trung Quốc. Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1. Thời hạn vay là 166 tháng, thời gian ân hạn là 46 tháng. Khoản vay chịu lãi suất 5,08%/năm, phí cam kết khoản vay 0,3%/năm; phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 0,5%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 21 tháng 01 năm 2012. Gốc vay được trả 6 tháng/lần.

(ii) Khoản vay 2 – Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Khoản vay ngoại tệ (USD), nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc theo Hợp đồng tín dụng tài trợ số BLA 0701 với tổng giá trị khoản vay 327.182.260 USD. Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2. Khoản vay chịu lãi suất 5,62%/năm, phí cam kết khoản vay 0,3%/năm; phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 0,25%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Gốc vay được trả trong 19 kỳ bán niên, ngày trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 21 tháng 4 năm 2015.

(iii) Khoản vay 3 – Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Khoản vay ngoại tệ (JPY), nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) với tổng giá trị khoản vay 7.740.469.321 JPY. Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 1. Khoản vay chịu lãi suất 1,76%/năm, phí cam kết khoản vay 0,1%/năm; phí rủi ro tín dụng, phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 1,45%/năm và 0,5%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Gốc vay được trả 6 tháng/lần với thời hạn trả nợ gốc là 11 năm 6 tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 8 năm 2009.

(iv) Khoản vay 4 – Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Khoản vay ngoại tệ (JPY), nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) với tổng giá trị khoản vay 7.319.484.004 JPY. Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2. Khoản vay chịu lãi suất 2,44%/năm, phí cam kết khoản vay 0,04%/năm; phí rủi ro tín dụng, phí bảo lãnh của Bộ Tài chính và phí cho vay lại lần lượt là 1,52%/năm và 0,25%/năm và 0,2%/năm trên dư nợ gốc vay. Gốc vay được trả 6 tháng/lần với thời hạn trả nợ gốc là 11 năm 6 tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 12 năm 2010.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(v) Khoản vay 1 và 2 – Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm**

Khoản vay 1 theo Hợp đồng tín dụng ngày 24 tháng 9 năm 2009 ký giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 900 tỷ VND, được sử dụng để thanh toán các chi phí của dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cộng (+) 2,8%/năm. Thời gian ân hạn là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian trả nợ gốc là 120 tháng kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2013. Gốc vay được hoàn trả trong 20 kỳ bán niên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay 2 theo Hợp đồng tín dụng ngày 18 tháng 2 năm 2014 ký giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 349 tỷ VND, được sử dụng để thanh toán các chi phí của dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2. Thời hạn giải ngân trong vòng 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi cao nhất của cùng loại đồng tiền nhận nợ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cộng (+) 2,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	36.641.641.391	37.141.345.507
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	34.218.671.750	39.200.000.000
Sử dụng trong năm	(24.338.577.160)	(39.699.704.116)
Số dư cuối năm	46.521.735.981	36.641.641.391

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	5.000.000.000.000	196.652.770.150	(789.533.975.079)	36.946.506.594	391.569.789.579	4.835.635.091.244
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	287.313.851.579	287.313.851.579
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.369.789.579	(41.569.789.579)	(39.200.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(450.000.000.000)	(450.000.000.000)
Phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	75.271.486.739	-	-	75.271.486.739
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	5.000.000.000.000	196.652.770.150	(714.262.488.340)	39.316.296.173	187.313.851.579	4.709.020.429.562
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	395.607.655.679	395.607.655.679
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	3.095.179.829	(37.313.851.579)	(34.218.671.750)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	(300.000.000.000)	(300.000.000.000)
Phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	415.202.620.028	-	-	415.202.620.028
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	5.000.000.000.000	196.652.770.150	(299.059.868.312)	42.411.476.002	245.607.655.679	5.185.612.033.519

(*) Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 là 37.313.851.579 VND (2016: trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2015 là 41.569.789.579 VND), trong đó Quỹ đầu tư phát triển là 3.095.179.829 VND (2016: 2.369.789.579 VND), Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 34.218.671.750 VND (2016: 39.200.000.000 VND).

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000	500.000.000	5.000.000.000.000
<hr/>				
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000	500.000.000	5.000.000.000.000
<hr/>				

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

22. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 là 250 tỷ VND, trong đó có 100 tỷ đã được trích vào cuối năm 2016 (2016: phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2015 là 350 tỷ VND).

Tại cuộc họp ngày 4 tháng 12 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 cho cổ đông là 150 tỷ VND, tương ứng 3% vốn điều lệ (2016: tạm ứng cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016: 100 tỷ VND).

23. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

	2017 VND	2016 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đầu năm	714.262.488.340	789.533.975.079
Trong đó:		
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2</i>	<i>355.090.113.729</i>	<i>392.119.034.536</i>
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm 2015</i>	<i>359.172.374.611</i>	<i>397.414.940.543</i>
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm (Thuyết minh 28)	(415.202.620.028)	(75.271.486.739)
Trong đó:		
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2</i>	<i>(310.667.051.198)</i>	<i>(37.028.920.807)</i>
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm 2015</i>	<i>(104.535.568.830)</i>	<i>(38.242.565.932)</i>
Lỗ chênh lệch tỷ giá tại cuối năm	299.059.868.312	714.262.488.340
Trong đó:		
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của Nhà máy Nhiệt điện Hải Phòng 2</i>	<i>44.423.062.531</i>	<i>355.090.113.729</i>
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm 2015</i>	<i>254.636.805.781</i>	<i>359.172.374.611</i>

Công ty đang phân bổ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào chi phí tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo nguyên tắc cân đối chi phí với kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận của Công ty. Do vậy giá trị khoản phân bổ vào chi phí phụ thuộc vào đánh giá chủ quan của Ban Giám đốc Công ty.

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng một năm	8.664.166.000	8.664.166.000
Trong vòng hai đến năm năm	34.656.664.000	34.656.664.000
Sau năm năm	223.948.404.372	232.732.906.011
	267.269.234.372	276.053.736.011

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	85	1.905.780	96	2.155.948
JPY	129.876	24.062.493	131.086	24.310.592
		25.968.273		26.466.540

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.428.128.030.805	-
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	5.060.039.288	1.219.829.545
	1.433.188.070.093	1.219.829.545

25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán điện	9.085.271.929.587	9.149.873.903.332
Doanh thu bán tro xỉ	9.622.617.362	7.372.204.550
	<hr/>	<hr/>
	9.094.894.546.949	9.157.246.107.882

26. Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhiên liệu, phụ liệu	4.924.257.064.820	5.384.371.183.219
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.860.582.865.163	1.887.873.798.877
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	280.503.398.421	201.922.236.486
Chi phí nhân công	171.460.805.585	164.992.858.867
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	73.869.264.288	105.851.272.356
Chi phí khác	78.692.365.345	54.066.510.765
	<hr/>	<hr/>
	7.389.365.763.622	7.799.077.860.570

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi	14.470.915.199	22.690.041.723
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.719.373.386	10.323.228.322
Lãi từ thanh lý đầu tư tài chính dài hạn	2.385.000.000	-
Cổ tức được chia	60.000.000	750.000.000
	<hr/>	<hr/>
	23.635.288.585	33.763.270.045

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***28. Chi phí tài chính**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	610.735.802.169	735.848.613.307
Lỗi chênh lệch tỷ giá các năm trước phân bổ vào chi phí trong năm (Thuyết minh 23)	415.202.620.028	75.271.486.739
Lỗi chênh lệch tỷ giá	117.615.511.993	20.532.141.383
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	13.967.842.629	149.371.502.972
	1.157.521.776.819	981.023.744.401

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân công	28.069.377.533	24.354.875.166
Chi phí khấu hao và phân bổ	8.842.129.020	8.107.138.243
Thuế, phí và lệ phí	42.608.119.628	50.297.857.208
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.014.116.621	10.740.654.391
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	74.457.226.434	13.891.704.858
	157.990.969.236	107.392.229.866

30. Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Tiếp nhận nhà cửa bàn giao từ Nhà thầu xây dựng (Thuyết minh 9)	6.387.537.678	-
Khác	3.119.781.134	5.508.879.368
	9.507.318.812	5.508.879.368

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	5.066.444.119.411	5.384.371.183.219
Chi phí nhân công	199.530.183.118	189.347.734.033
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.869.424.994.183	1.895.980.937.120
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.883.380.909	173.626.280.033
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	280.503.398.421	201.922.236.486
Chi phí khác	53.570.656.816	67.958.215.623

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	24.062.457.567	15.550.287.149

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	419.670.113.246	302.864.138.728
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	41.967.011.325	30.259.390.269
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	601.878.739	54.047.208
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.058.040.858	460.593.308
Ưu đãi thuế	(22.564.473.355)	(15.223.743.636)
	24.062.457.567	15.550.287.149

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(c) Thuế suất áp dụng**

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho Công ty chưa tính các ưu đãi là 20% (2016: 20%). Việc xác định mức thuế suất thuế ưu đãi của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế và các điều khoản trong Giấy Chứng nhận đầu tư.

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	395.607.655.679	287.313.851.579
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>395.607.655.679</u>	<u>287.313.851.579</u>

- (*) Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 2016. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm trình bày là 500.000.000 cổ phiếu.

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch cho	
	2017	2016
	VND	VND
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Chi phí lãi vay và phí vay lại của các khoản vay	528.958.606.605	615.194.969.542
Phí bảo lãnh khoản vay dài hạn	33.497.323.185	39.636.438.862
Mua điện	31.739.917.948	25.142.101.484
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Phát điện 2		
Cổ tức đã trả	204.000.000.000	178.500.000.000
Cổ tức phải trả	-	51.000.000.000
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại		
Cổ tức đã trả	103.880.000.000	90.895.000.000
Cổ tức phải trả	-	25.970.000.000
<i>Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam</i>		
Bán điện	9.085.271.929.587	9.149.873.903.332
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương</i>		
Mua dịch vụ	358.027.109	1.396.093.728
<i>Nhân sự quản lý chủ chốt</i>		
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	2.066.444.000	1.638.300.000
Thành viên Hội đồng quản trị		
Tiền lương và thưởng	1.349.155.000	1.065.600.000
Thành viên Ban Kiểm soát		
Tiền lương và thưởng	689.373.000	443.184.000

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Mua tài sản cố định chưa thanh toán tại ngày kết thúc năm	5.548.177.249	26.164.257.075
Thanh toán chi phí lãi vay bằng cách cân trừ với khoản phải thu khách hàng	562.455.929.790	654.831.408.404
Thanh toán gốc vay bằng cách cân trừ với khoản phải thu khách hàng	1.713.602.227.857	1.692.118.797.797

Ngày 14 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Bùi Thu Trang
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Minh Thành
Kế toán trưởng



Nguyễn Thường Quang
Tổng Giám đốc

